

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 396 /QĐ-GDDĐT

Nhà Bè, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu học sinh giỏi cấp Huyện năm học 2019 - 2020

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Căn cứ Kế hoạch số 832/GDDĐT-TrH ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 cấp Huyện dự thi cấp Thành phố năm học 2019 - 2020;

Căn cứ kết quả kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Huyện năm học 2019 - 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 239 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp Huyện năm học 2019 - 2020 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Mỗi học sinh được tặng một giấy chứng nhận của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè.

Điều 3. Các tổ bộ phận có liên quan của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường THCS và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Oanh

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2019-2020
(Ban hành kèm Quyết định số 39/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 5 năm 2020)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Trường THCS	Học sinh giỏi môn
1	Ngô Gia Vy	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
2	Trần Khánh Huyền	9A1	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
3	Dương Nhã Điền	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
4	Nguyễn Ngọc Hồng Thoa	9A6	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
5	Đỗ Nguyễn Minh Thư	9A6	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
6	Trần Thượng Tường	9A8	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
7	Hà Hoàng Anh	9a3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
8	Nguyễn Trần Tường Di	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
9	Hoàng Thị Thanh Hải	9a8	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
10	Phan Tấn Lộc	9A8	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
11	Trần Nguyễn Phương Nhi	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
12	Nguyễn Thị Phương Quyên	9A8	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
13	Nguyễn Ngọc Tuyền Vy	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
14	Bùi Anh Thư	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
15	Nguyễn Thị Ngọc Vy	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
16	Bùi Ngọc Hoài An	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
17	Nguyễn Ngọc Đức Anh	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ Văn
18	Nguyễn Ngọc Ánh	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ Văn
19	Phạm Mạnh Khá	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
20	Võ Ngọc Khánh	9A1	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
21	Phạm Ngọc Gia Linh	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
22	Lê Ngọc Tâm Như	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
23	Nguyễn Thanh Vân	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
24	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9A4	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
25	Phạm Hồng Phương Anh	9a8	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
26	Nguyễn Thị Lan Anh	9a3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
27	Nguyễn Ngọc Kim Cương	9A5	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
28	Trần Thị Kim Cương	9A2	Phước Lộc	Ngữ văn
29	Mai Thanh Đào	9A1	Phước Lộc	Ngữ văn
30	Nguyễn Lê Minh Khôi	9A2	Hiệp Phước	Ngữ văn
31	Lê Thị Thùy Linh	9A6	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
32	Cao Hồng Nhung	9A1	Hiệp Phước	Ngữ văn
33	Trương Ngọc Diễm Trinh	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
34	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	9A4	Lê Thành Công	Ngữ văn
35	Nguyễn Thị Minh Hạnh	9a3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
36	Phan Thành Phúc	9A2	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
37	Dương Nữ Nam Phương	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
38	Phạm Thị Phương Quỳnh	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
39	Võ Huỳnh Minh Thư	9A1	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
40	Trương Thị Hồng Ánh	9a6	Lê Văn Hưu	Ngữ văn

41	Mỹ Gia	Hân	9A1	Phước Lộc	Ngữ văn
42	Lê Phương Uyên	Nhi	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
43	Lê Nguyễn Ngọc	Như	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
44	Hồ Thị Bích	Nhung	9A3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
45	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	9A2	Hiệp Phước	Ngữ văn
46	Võ Huỳnh Bảo	Trâm	9A2	Nguyễn Thị Hương	Ngữ văn
47	Phan Ngọc Phương	Trinh	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
48	Nguyễn Ngọc Kim	Châu	9A5	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
49	Nguyễn Thùy	Dương	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ Văn
50	Nguyễn Phạm Phương	Hiền	9A5	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
51	Lên Phạm Lan	Hương	9A1	Hiệp Phước	Ngữ văn
52	Ngô Đặng Thanh	Lan	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
53	Nguyễn Thị Xuân	Mai	9A1	Phước Lộc	Ngữ văn
54	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	9A3	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
55	Nguyễn Thị Khánh	Như	9A4	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
56	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	9A2	Phước Lộc	Ngữ văn
57	Từ Thị Cẩm	Nhung	9A3	Nguyễn Văn Quý	Ngữ văn
58	Trần Ngọc Huyền	Thương	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
59	Trần Nguyễn Tường	Vy	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
60	Đào Thị Triệu	Phụng	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch sử
61	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	9A1	Hai Bà Trưng	Lịch Sử
62	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	9A2	Hiệp Phước	Lịch Sử
63	Đỗ Thị Thu	Mai	9A1	Hai Bà Trưng	Lịch Sử
64	Lê Ngọc Phương	Thảo	9A1	Lê Văn Hưu	Lịch sử
65	Dương Thị Ái	Nhi	9A1	Phước Lộc	Lịch sử
66	Trần Lê Ngọc	Trâm	9A4	Lê Thành Công	Lịch sử
67	Nguyễn Tường	Vy	9A1	Lê Thành Công	Lịch sử
68	Trịnh Trọng	Quyên	9A8	Lê Văn Hưu	Lịch sử
69	Vũ Thị Phương	Thùy	9A6	Lê Văn Hưu	Lịch sử
70	Lê Phạm Thị Tuyết	Giang	9A2	Hiệp Phước	Lịch Sử
71	Võ Thị Xuân	Mai	9A5	Nguyễn Văn Quý	Lịch sử
72	Lê Quỳnh Kim	Ngân	9A6	Lê Văn Hưu	Lịch sử
73	Ngô Thành Hoàng	Phúc	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch sử
74	Phan Thanh	Hoàng	9A1	Nguyễn Thị Hương	Lịch sử
75	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	9A2	Hiệp Phước	Lịch Sử
76	Trương Huỳnh Nhã	Phương	9A2	Lê Thành Công	Lịch sử
77	Trần Minh	Thư	9A2	Hiệp Phước	Lịch Sử
78	Tô Bích	Châu	9A2	Lê Thành Công	Lịch sử
79	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	9A5	Nguyễn Văn Quý	Lịch sử
80	Trần Lê Uyên Phương	Phương	9A5	Nguyễn Văn Quý	Địa lý
81	Hồ Thị Tuyết	Sương	9A1	Nguyễn Thị Hương	Địa lý
82	Vũ Kim Giang	Giang	9A5	Nguyễn Văn Quý	Địa lý
83	Lê Ngọc Phương Vy	Vy	9A5	Nguyễn Văn Quý	Địa lý
84	Nguyễn Huỳnh Thụy Vy	Vy	9A5	Nguyễn Văn Quý	Địa lý

85	Lê Thị Hà Vi	Vi	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Địa lý
86	Nguyễn Trung Tín	Tín	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Địa lý
87	Trần Gia	Hân	9A1	Nguyễn Thị Hương	Địa lý
88	Phan Nguyễn Khánh	Giang	9A2	Nguyễn Thị Hương	Địa lý
89	Nguyễn Triệu	Phú	9A3	Hai Bà Trưng	Địa lý
90	Võ Thị Thảo	Phương	9A2	Hiệp Phước	Địa lý
91	Lê Minh	Nhật	9A1	Hai Bà Trưng	Địa lý
92	Nguyễn Mạnh Nhật	Trường	9A1	Hai Bà Trưng	Địa lý
93	Nguyễn Trí	Tiến	9A3	Hai Bà Trưng	Địa lý
94	Võ Chí	Thanh	9A4	Lê Thành Công	Địa lý
95	Trần Ngọc Trúc	Ly	9A8	Lê Văn Hưu	Địa lý
96	Lê Minh	Vẹn	9A3	Hai Bà Trưng	Địa lý
97	Lưu Thị Bích	Huyền	9A8	Lê Văn Hưu	Địa lý
98	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	9A6	Lê Văn Hưu	Địa lý
99	Nguyễn Ngọc	Ngân	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Địa lý
100	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9A6	Lê Văn Hưu	Địa lý
101	Nguyễn Ngọc Mai	Thị	9A4	Lê Thành Công	Địa lý
102	Nguyễn Thúy	Vy	9A2	Hiệp Phước	Địa lý
103	Nguyễn Trần Vĩnh	Phúc	9A1	Nguyễn Thị Hương	Tiếng Anh
104	Vũ Phạm Minh	Châu	9A1	Phước Lộc	Tiếng Anh
105	Lê Thành	Tín	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh
106	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	9A1	Nguyễn Thị Hương	Tiếng Anh
107	Phạm Đăng	Khải	9A1	Lê Thành Công	Tiếng Anh
108	Trần Hữu Hải	Dương	9A8	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
109	Nguyễn Tấn	Phúc	9A2	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh
110	Hoàng Thị Anh	Quân	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh
111	Nguyễn Ngọc Hà	My	9A1	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh
112	Nguyễn Thanh	Huy	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh
113	Hồ Nguyễn Tấn	Phát	9A1	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh
114	Trịnh Thanh	Xuân	9A8	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
115	Nguyễn Thanh	Hà	9A8	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
116	Võ Ngọc Anh	Thư	9A1	Nguyễn Thị Hương	Tiếng Anh
117	Đoàn Nguyễn Đăng	Khôi	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Tiếng Anh
118	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Toán
119	Đỗ Thực	Anh	9A3	Hai Bà Trưng	Toán
120	Lê Huy	Toàn	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Toán
121	Nguyễn Trần Hoàng	Vũ	9A1	Phước Lộc	Toán
122	Đồng Thanh Gia	Nguyên	9A5	Nguyễn Văn Quỳ	Toán
123	Võ Anh	Duy	9A3	Lê Thành Công	Toán
124	Nguyễn Phan Quang	Huy	9A1	Lê Thành Công	Toán
125	Lê Quốc	Thống	9A2	Hiệp Phước	Toán
126	Trương Vĩnh	Cường	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
127	Nguyễn Lữ Duy	Thịnh	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
128	Lê Thanh	Sang	9A6	Lê Văn Hưu	Toán
129	Đỗ Thị Bích	Trâm	9A3	Hai Bà Trưng	Toán

130	Tôn Thụy Thái	Thư	9A2	Hiệp Phước	Toán
131	Nguyễn Việt	Hưng	9A3	Lê Thành Công	Toán
132	Võ Nguyễn Châu	Lê	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
133	Nguyễn Hoàng Phi	Long	9A5	Nguyễn Văn Quý	Vật lý
134	Trịnh Gia	Hưng	9A1	Lê Thành Công	Vật lý
135	Nguyễn Thái	Son	9A8	Lê Văn Hưu	Vật lý
136	Lý Phúc	Sáng	9A2	Lê Thành Công	Vật lý
137	Trương Minh	Ánh	9A3	Hai Bà Trưng	Vật lí
138	Đỗ Minh	Hậu	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật Lý
139	Trần Thị Minh	Thư	9A6	Lê Văn Hưu	Vật lý
140	Nguyễn Diễm	Quỳnh	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật Lý
141	Lê Trần Thanh	Thế	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật Lý
142	Phạm Vĩ	Anh	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật Lý
143	Hồ Huỳnh Hồng	Giao	9A2	Hiệp Phước	Vật Lí
144	Nguyễn Hải	Đăng	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật Lý
145	Huỳnh Nguyễn Yến	Trâm	9A8	Lê Văn Hưu	Vật lý
146	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	9A1	Hiệp Phước	Vật Lí
147	Nguyễn Ngọc Phúc	Nguyên	9A1	Hai Bà Trưng	Vật lí
148	Phạm Duy	Tân	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
149	Trần Thị Yến	Nhi	9a8	Lê Văn Hưu	Hóa học
150	Lê Nguyễn Nam	Trân	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
151	Nguyễn Hà Kiều	Vy	9a8	Lê Văn Hưu	Hóa học
152	Trần Ngọc Minh	Thư	9a8	Lê Văn Hưu	Hóa học
153	Nguyễn Bảo Gia	Nghi	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
154	Nguyễn Tấn Tiến	Phương	9A1	Lê Thành Công	Hóa học
155	Lê Nguyễn Tuyết	Ngân	9A1	Hiệp Phước	Hóa
156	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	9a1	Hai Bà Trưng	Hóa học
157	Trần Lê Thanh	Phú	9a2	Hai Bà Trưng	Hóa học
158	Phạm Phương	Quang	9a8	Lê Văn Hưu	Hóa học
159	Võ Thành	Tài	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
160	Trương Gia	Kiệt	9a8	Lê Văn Hưu	Hóa học
161	Trần Thái	Thành	9A2	Hiệp Phước	Hóa
162	Dương Thị Thúy	Vy	9a1	Hai Bà Trưng	Hóa học
163	Nguyễn Phú	Thịnh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
164	Phạm Quang Ngọc	Hiếu	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
165	Đỗ Ngọc	Anh	9A8	Lê Văn Hưu	Sinh học
166	Đoàn Trần Nhã	Băng	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
167	Trần Thành	Danh	9A3	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
168	Thái Ngô	Nguyên	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
169	Trần Lê Ngân	Thảo	9A2	Hiệp Phước	Sinh học
170	Đỗ Minh	Thy	9A1	Hiệp Phước	Sinh học
171	Võ Thị Phương	Uyên	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
172	Trương Minh	Anh	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
173	Đặng Kim	Anh	9A2	Nguyễn Thị Hương	Sinh học
174	Lâm Nhật	Minh	9A2	Hiệp Phước	Sinh

175	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	9A8	Lê Văn Hưu	Sinh học
176	Lê Nguyễn Phương	Uyên	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
177	Tô Yến	Vy	9A8	Lê Văn Hưu	Sinh học
178	Phạm Hoài Phúc	Bảo	9A1	Lê Thành Công	Sinh học
179	Phan Khả	Doanh	9A1	Nguyễn Thị Hương	Sinh học
180	Lê Trường	Giang	9A1	Hai Bà Trưng	Sinh học
181	Trần Quỳnh	Hương	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
182	Mai Kiều Hương	Linh	9A8	Lê Văn Hưu	Sinh học
183	Nguyễn Ngọc	Nga	9A2	Lê Thành Công	Sinh học
184	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngọc	9A1	Hai Bà Trưng	Sinh học
185	Trần Thanh	Ngọc	9A8	Lê Văn Hưu	Sinh học
186	Trần Nguyễn Anh	Nhật	9A4	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
187	Trần Bảo	Quân	9A1	Hiệp Phước	Sinh học
188	Đặng Minh	Thảo	9A3	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
189	Nguyễn Hồng	Nhung	9A2	Phước Lộc	Công nghệ
190	Bùi Nguyễn Khải	Vinh	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
191	Đào Trọng	Nhân	9A6	Lê Văn Hưu	Công nghệ
192	Ngô Đức	Bình	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
193	Nguyễn Minh	Kha	9A2	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
194	Lê Thị	Linh	9A2	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
195	Phạm Ngô Khánh	Huy	9A4	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
196	Nguyễn Hoàng	Phúc	9A1	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
197	Vũ Mạnh	Tiến	9A6	Lê Văn Hưu	Công nghệ
198	Huỳnh Quốc	Hưng	9A8	Lê Văn Hưu	Công nghệ
199	Huỳnh Trần Thanh	Bảo	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
200	Nguyễn Quang	Tùng	9A7	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
201	Nguyễn Hòa	Khang	9A1	Phước Lộc	Công nghệ
202	Phạm Tấn	Phú	9A2	Hiệp Phước	Công nghệ
203	Dương Ngọc	Hải	9A2	Phước Lộc	Công nghệ
204	Hoàng Đình	Dũng	9A1	Lê Văn Hưu	Công nghệ
205	Phạm Minh	Hiếu	9A4	Lê Thành Công	Công nghệ
206	Đỗ Quang	Định	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
207	Nguyễn Huỳnh Quốc	Bảo	9A1	Hiệp Phước	Công nghệ
208	Lê Tuấn	Kha	9A1	Hai Bà Trưng	Công nghệ
209	Nguyễn Tấn	Lợi	9A2	Lê Văn Hưu	Công nghệ
210	Lê Đăng	Khoa	9a3	Hai Bà Trưng	KHTN
211	Nguyễn Ngọc Hà	My	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN
212	Thần Thanh Trúc	Linh	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN
213	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	9A5	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN
214	Nguyễn Tiến Hoàng	Duy	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN
215	Đỗ Văn	Nam	9A1	Phước Lộc	KHTN
216	Nguyễn Đào Phương	Nga	9A3	Nguyễn Văn Quý	KHTN
217	Phạm Thị	Hằng	9a7	Lê Văn Hưu	KHTN
218	Trần Quang	Trường	9A2	Hiệp Phước	KHTN
219	Phan Thành	Đạt	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN

220	Trần Văn	Khoa	9A2	Hiệp Phước	KHTN
221	Nguyễn Võ Hà	Phương	9a3	Hai Bà Trưng	KHTN
222	Nguyễn Thị Anh	Thư	9a6	Lê Văn Hưu	KHTN
223	Trắc Đức	Mạnh	9a3	Hai Bà Trưng	KHTN
224	Vũ Thị Thu	Trang	9A8	Nguyễn Bình Khiêm	KHTN
225	Trịnh Nguyễn Minh	Hoàng	9A8	Lê Văn Hưu	Tin học
226	Đỗ Nhật	Huy	9A8	Lê Văn Hưu	Tin học
227	Lê Trung	Tín	9A2	Phước Lộc	Tin học
228	Nguyễn Phước	Hậu	9A6	Lê Văn Hưu	Tin học
229	Đậu Minh	Khôi	9A6	Lê Văn Hưu	Tin học
230	Trần Vĩnh	Phát	9A6	Nguyễn Bình Khiêm	Tin học
231	Lê Viết	Lân	9A3	Hai Bà Trưng	Tin học
232	Hoàng Việt	Quang	9A3	Hai Bà Trưng	Tin học
233	Nguyễn Thanh	Tùng	9A3	Hai Bà Trưng	Tin học
234	Hồ Nam	Anh	9A9	Nguyễn Bình Khiêm	Tin học
235	Đỗ Huỳnh Thiên	Tài	9A2	Hiệp Phước	Tin học
236	Nguyễn Ngọc	Thuận	9A2	Hiệp Phước	Tin học
237	Nguyễn Thái	Anh	9A2	Hiệp Phước	Tin học
238	Ngô Gia	Bảo	9A3	Hai Bà Trưng	Tin học
239	Nguyễn Trí	Tài	9A2	Hai Bà Trưng	Tin học

Danh sách gồm 239 học sinh./.

ML